|  | TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT  **KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**  **BỘ MÔN KIỂM TOÁN** |
| --- | --- |

**ĐỀ CƯƠNG TỔNG QUÁT HỌC PHẦN**

1. **Tên và mã học phần:** MAA4014 – Kế toán số (Digital accounting )
2. **Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 2 Thực hành: 0

1. **Giảng viên phụ trách**

TS Đồng Quang Chung, TS Nguyễn Thị Phượng Loan

1. **Tài liệu học tập**

**Giáo trình:**

[1] Marshall B. Romney, Paul J. Steinbart, Scott L. Summers, & David A. Wood, 2021. Accounting Information Systems: Global Edition, Pearson.

**Tài liệu khác:**

[2] Leslie Turner, Andrea Weickgenannt, & Mary Kay Copeland, 2018. Accounting Information Systems: Controls and Processes, 3th Edition. Wiley.

[3] Vernon J. Richardson, C. Janie Chang, & Rodney Smith, 2024. Accounting information systems, 4th Edition. McGraw-Hill.

[4] Michael E. Whitman & Herbert J. Mattord , 2022. Principles of Information Security,7th Edition*.* Cengage.

**Phần mềm:**

[1] Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) của SAP, phân hệ kế toán tài chính, mua (chi phí) và bán hàng (doanh thu).

[2] Microsoft Access.

[3] Microsoft Excel.

1. **Thông tin về học phần**
2. *Mô tả/mục tiêu học phần*

| **Mục tiêu**  **(COx) (1)** | **Mô tả mục tiêu**  **(2)** | **CĐR của học phần**  **(CLOx) (3)** | **TĐNL**  **(4)** |
| --- | --- | --- | --- |
| CO1 | Nhận diện và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến trong việc giải quyết, xử lý các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực kế toán | CLO1 | 5 |
| CO2 | Điều hành hiệu quả hệ thống thông tin kế toán trong môi trường ERP | CLO2 | 4 |
| CO3 | Có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về tổ chức phân tích, tổ chức xử lý đánh giá và kiểm soát thông tin kế toán thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc quản lý kế toán. | CLO3 | 4 |
|  |  |
| CO4 | Có khả năng đánh giá tính hiệu quả của hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp. | CLO4 | 4 |
| CO5 | Thích nghi tốt với sự phát triển của nghề nghiệp kế toán |  | 4 |

*(1): Ký hiệu mục tiêu của học phần.*

*(2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR và bối cảnh áp dụng tổng quát.*

*(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho học phần.*

1. *Môn học tiên quyết/Môn học trước/Môn song hành*

Không

1. *Yêu cầu khác*

Học viên cần chủ động tham khảo tài liệu trước khi lên lớp.

1. **Chuẩn đầu ra của học phần**

*(Các mục cụ thể hay CĐR của học phần và mức độ giảng dạy I, T, U hoặc I, R, M)*

| **CĐR**  **(1)** | **Mô tả CĐR**  **(2)** | **Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)** | **Mức độ giảng dạy**  **(I, T, U hoặc I, R, M)**  **(3)** |
| --- | --- | --- | --- |
| CLO1 | Xác định và ứng dụng các xu hướng công nghệ vào công việc kế toán và quản lý tài chính. | PLO2 | M |
| CLO2 | Quản lý được các chu trình kinh doanh trong điều kiện tích hợp với hệ thống ERP và thương mại điện tử, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và quy trình kế toán. | PLO2 | M |
| CLO3 | Thiết lập tính an toàn, bảo mật cho các các quy định về bảo vệ dữ liệu và an toàn thông tin. | PLO5 | R |
| CLO4 | Xây dựng phương án thích hợp nhằm cải thiện quy trình nghiệp vụ cũng như đánh giá và lựa chọn chiến lược phát triển hệ thống thông tin kế toán phù hợp. | PLO6 | R |
| CLO5 | Đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp kế toán trong thời đại kỷ nguyên số | PLO8 | R |

*(1): Ký hiệu CĐR của học phần.*

*(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR và bối cảnh áp dụng cụ thể.*

*(3): I (Introduce): giới thiệu; T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng hoặc I (Introduce): giới thiệu; R(Reinforced): tăng cường; M(Mastery): thành thạo.*

1. **Nội dung cơ bản của học phần**

Môn học "Kế toán số và quản trị thông tin doanh nghiệp" dành cho học viên cao học chuyên ngành kế toán nhằm trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu và kỹ năng cần thiết trong việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý thông tin tài chính và kế toán của doanh nghiệp. Hơn nữa, môn học này cũng sẽ giúp học viên nắm bắt xu hướng chuyển đổi số, sử dụng các công cụ công nghệ tiên tiến trong kế toán và quản trị thông tin tài chính, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý rủi ro trong doanh nghiệp. Sau khi hoàn thành môn học, học viên sẽ hiểu được vai trò và tầm quan trọng của kế toán số và quản trị thông tin trong kỷ nguyên số; có khả năng áp dụng các công nghệ số tiên tiến vào hoạt động kế toán và quản trị thông tin tài chính trong doanh nghiệp; phân tích và đánh giá được các rủi ro liên quan đến bảo mật và tuân thủ trong kế toán số; và nâng cao kỹ năng quản lý thông tin tài chính và hỗ trợ ra quyết định thông qua hệ thống ERP và các công cụ phân tích dữ liệu. Từ đó, giúp học viên trở thành những nhà quản lý tài chính chuyên nghiệp, hiểu biết sâu sắc về công nghệ số và quản trị thông tin trong thời đại mới.

1. **Đánh giá học phần**

*(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của học phần)*

| **Thành phần đánh giá (1)** | **Bài đánh giá (Ax.x)**  **(2)** | **CĐR học phần**  **(CLOx)**  **(3)** | **Tiêu chí đánh giá**  **(4)** | **Thời lượng đánh giá (5)** | **Trọng số**  **(6)** | **Trọng số con**  **(7)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| A1. Đánh giá quá trình | A1.1 | CLO1, CLO2 | Tự luận hoặc thuyết trình | 45 phút | 50% | 50% |
| A1.2 | CLO3,  CLO5 | Tự luận hoặc thuyết trình | 45 phút | 50% |
| A2. Đánh giá cuối kì | A2.1 | CLO1,  CLO2,  CLO3,  CL04. | Tiểu luận môn học |  | 50% | 100% |

*(1): Các thành phần đánh giá của học phần.*

*(2): Ký hiệu các bài đánh giá*

*(3): Các CĐR được đánh giá.*

*(4): Tiêu chí đánh giá như bài tập nhóm/cá nhân về nhà, bài tập nhóm/cá nhân tại lớp, dự án, đồ án môn học….*

*(5): Thời lượng đánh giá theo phút tại lớp (nếu có).*

*(6): Trọng số các bài đánh giá trong tổng điểm học phần.*

*(7): trọng số các bài đánh giá trong tổng điểm của thành phần đánh giá.*

**Giảng viên biên soạn: TS Đồng Quang Chung**

**Trưởng bộ môn:** **PGS.TS Phạm Quốc Thuần**